

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-PT
Ngày: 11-9-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh và ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham dự phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo và kháng nghị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2021/QĐXX-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đoàn Thị Hiền L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Ông Vũ Đình Ng, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Ông Lê Khả Q1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Ông Mạc Văn Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá D - Chủ tịch; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức Q2 - Phó chủ tịch. Vắng mặt.

- Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Xuân T - Trưởng thôn.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Xuân K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mạc Văn Đ.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban lãnh đạo thôn A, xã Q, huyện N nhiệm kỳ 2015-2017 gồm: Anh Lê Xuân K là Trưởng thôn, 02 Phó thôn là ông Vũ Đình Ng và ông Lê Khả Q1. Theo quy định đối với các khoản thu, chi của thôn thuộc ngân sách nhà nước, tiền phải gửi vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Q, tuy nhiên do đặc thù thôn A là thôn lớn, có nhiều hoạt động nên Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 đã có văn bản đề nghị và được UBND xã Q đồng ý để cho thôn tự quản lý tài chính của thôn, cử ông Mạc Văn Đ là thủ quỹ. Trong nhiệm kỳ 2015-2017, Ban lãnh đạo thôn A đã thỏa thuận thuê anh Nguyễn Huy H, dùng máy xúc phá dỡ, đào mức cống, san lấp mặt bằng 18 công trình theo như “Bảng tổng hợp thanh toán làm máy xúc cho thôn A tên công trình và thời gian làm của anh H” với giá tiền 300.000 đồng/01 giờ công. Việc thỏa thuận, ký kết hợp đồng do anh K là người trực tiếp thuê anh H, lúc đầu chỉ có thỏa thuận miệng. Sau đó, hai bên lập hợp đồng, hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng giữa anh H và Ban lãnh đạo thôn A ký nhận, nhưng anh H không nhận tiền theo từng hợp đồng, từng công trình như hồ sơ quyết toán. Tổng số giờ công anh H đã làm từ năm 2015 - 2017 là 315 giờ 40 phút x 300.000 đồng/01 giờ = 94.725.000đồng. Anh H đã được thanh toán 03 lần gồm: Lần 1 vào năm 2016 tạm ứng từ ông Ng 14.000.000 đồng; Lần 2 nhận từ ông Đ số tiền 24.800.000 đồng theo phiếu chi ngày 19/12/2016; Lần 3 nhận tiền từ ông Đ vào ngày 21/01/2017 số tiền 30.200.000 đồng. Tổng số tiền đã nhận là 69.000.000 đồng, còn lại 25.725.000 đồng chưa được thanh toán.

Anh Nguyễn Huy H trình bày: Khoảng cuối năm 2017, anh và anh K đã chốt lại công nợ, anh K viết số tiền anh chưa được thanh toán vào một tờ giấy sau đó đưa anh sang nhà ông Đ để lấy tiền nhưng ông Đ không có nhà; anh K bảo anh đi về anh K sẽ lấy tiền đưa cho anh sau và anh K cầm lại tờ giấy đó. Sau

đó, không thấy anh K đưa tiền cho anh, anh nhiều lần yêu cầu nhưng anh K khất nợ và hẹn sẽ sớm thanh toán. Đến đầu năm 2018 nhiệm kỳ của Ban lãnh đạo thôn A 2015-2017 hết, thôn bầu lại ban lãnh đạo khoá mới, anh được biết số tiền công của anh đã được anh K báo cáo quyết toán xong và bàn giao quỹ lại cho nhiệm kỳ mới, nhưng không thanh toán tiền cho anh. Anh gửi đơn đến UBND xã Q đề nghị giải quyết, UBND xã đã thành lập đoàn kiểm tra, anh K và ông Đ đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, UBND xã đã ra kết luận Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 trong đó anh K là Trưởng thôn phải có trách nhiệm trả anh số tiền đó vì các hợp đồng anh làm cho thôn đã được thanh lý, quyết toán xong, quỹ đã được bàn giao cho khoá mới nên ban lãnh đạo khoá mới và UBND xã không phải có trách nhiệm về số tiền này. Các bản hợp đồng và các tài liệu thanh lý, quyết toán hợp đồng Tòa án thu thập tại UBND xã Q, anh H xác định là đúng, anh xác định các hợp đồng đó anh đã thực hiện xong và hai bên đã quyết toán, thanh lý hợp đồng không có tranh chấp gì. Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu anh K phải thanh toán trả anh số tiền công máy xúc anh chưa được nhận là 25.725.00 đồng, không yêu cầu gì đối với UBND xã Q và Ban lãnh đạo thôn A các nhiệm kỳ sau. Lý do anh khởi kiện anh K vì anh K là người thuê anh, còn nghĩa vụ phải trả số tiền đó là của anh K hay của ông Đ, ông Q1, ông Ng thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Anh Lê Xuân K trình bày: Cuối năm 2017, anh và anh H đã chốt số tiền anh H chưa được thanh toán là 25.725.000 đồng, anh K viết vào một tờ giấy và đưa anh H đến nhà ông Đ để lấy tiền nhưng ông Đ không có nhà. Sau đó anh có gọi điện thoại bảo ông Đ thanh toán cho anh H nhưng ông Đ không thanh toán. Còn sau đó ông Đ có thanh toán cho anh H hay không thì anh không rõ. Các hợp đồng, hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng giữa ban lãnh đạo thôn với anh H, Tòa án thu thập tại UBND xã Q là đúng, các hợp đồng đó đã thực hiện, thanh lý xong không có tranh chấp gì. Do các hợp đồng của anh H đã thực hiện thanh lý xong nên tại các Báo cáo thu chi tài chính, báo cáo quỹ của thôn A năm 2015 - 2017 đều có các khoản chi đó. Cuối năm 2017 đầu năm 2018, Ban lãnh đạo thôn hết nhiệm kỳ, thôn bầu lại Ban lãnh đạo nhiệm kỳ mới, nên Ban lãnh đạo nhiệm kỳ 2015-2017 đã tiến hành bàn giao quỹ cho Ban lãnh đạo thôn khoá mới. Do các khoản tiền của anh H đã được quyết toán xong và đều thể hiện trong báo cáo chi nên khi bàn giao quỹ không có việc bàn giao khoản nợ của anh H. Sau đó, anh H có đơn đề nghị UBND xã Q xem xét giải quyết, UBND xã đã lập đoàn thanh tra, kiểm tra công tác thu chi tài chính của thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 và kết luận là anh H chưa được nhận số tiền 25.725.000 đồng theo như báo cáo chi và hồ sơ, yêu cầu Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 trong đó anh với trách nhiệm là trưởng thôn phải thanh toán cho H số tiền đó, ngoài ra còn kết luận về nhiều nội dung khác liên quan đến quỹ của thôn nhiệm kỳ 2015-2017. Anh không đồng ý với một số nội dung trong các văn bản của UBND xã Q, nhưng trong vụ án này anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có yêu cầu anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Sau khi UBND xã Q có kết luận về số tiền của anh H thì anh và Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015 -2017 vẫn chưa trả anh H số tiền đó. Nay anh H khởi kiện đòi số tiền trên anh xác định trách nhiệm không chỉ

một mình anh mà cả Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 cùng phải chịu và số tiền đó vẫn do ông Đ cầm nên ông Đ phải có trách nhiệm trả cho anh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị Hiền L trình bày: Chị là vợ anh H. Số tiền 25.725.000 đồng anh H đang kiện đòi anh K là tài sản chung của vợ chồng chị, chị ủy quyền cho anh H được thay mặt chị tham gia tố tụng tại Tòa án và đồng ý với các quan điểm anh H trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mạc Văn Đ trình bày: Trong năm 2015-2017 thôn A có nhiều hoạt động thu chi, trong đó có việc chi trả tiền công làm máy xúc các công trình của anh H. Anh K là người thỏa thuận ký hợp đồng với anh H, ông Ng là người theo dõi chấm giờ làm việc, ông không rõ việc thỏa thuận giữa họ như thế nào. Với tư cách là thủ quỹ của thôn, có 02 lần ông Đ trả tiền cho anh H theo chỉ đạo của anh K, có chứng từ và khi trả tiền ông đều ghi vào sổ nhật ký chi, cụ thể là: Lần 1 ngày 19/12/2016 trả 2 khoản là 35.900.000 đồng (tại sổ theo dõi ghi nội dung trả anh H máy xúc dọn máng cụ Đào) và 2.850.000 đồng (tại sổ theo dõi ghi nội dung công ông Sâu, ông Kiềm); Lần 2 ngày 21/01/2017 trả 30.200.000 đồng (tại sổ theo dõi ghi anh H máy xúc nhận). Còn có một lần anh H và anh K đến nhà ông để thanh toán tiền nhưng ông không có nhà, nên không thanh toán được sau đó anh K không chuyển chứng từ, phiếu chi sang, không chỉ đạo ông trả tiền cho anh H. Đến khi anh H có đơn gửi UBND xã về việc chưa được thanh toán tiền thì ông mới biết số tiền anh H chưa được thanh toán là 25.725.000 đồng. Cuối năm 2017, đầu năm 2018 thôn bầu ban lãnh đạo mới. Anh K là người tổng hợp báo cáo quỹ, tài sản, sổ sách để bàn giao cho khóa mới. Ông thấy tổng số tiền thu của nhiệm kỳ và số tiền tồn quỹ là khớp, nhưng không khớp về số tiền chi cụ thể: Trong báo cáo chi mà anh K báo cáo đã có số tiền 25.000.000 đồng (đã trả anh H) còn trong sổ theo dõi chi của ông thì chưa chi số tiền 25.000.000 đồng cho anh H và trên thực tế ông cũng chưa chi số tiền đó cho anh H, ngoài ra còn không khớp ở một số khoản chi khác. Còn về số tiền tồn quỹ của ông khi hết nhiệm kỳ là 257.834.055 đồng là khớp với số tồn quỹ anh K báo cáo để bàn giao. UBND xã Q đã thành lập đoàn kiểm tra về công tác thu chi tài chính của thôn A và đã có kết luận kiểm tra, ông không có ý kiến gì về kết luận đó. Anh K cho rằng số tiền chưa thanh toán cho anh H vẫn do ông cầm, nên ông phải có trách nhiệm trả anh H ông không đồng ý, trách nhiệm đó là của anh K vì anh K chưa chuyển chứng từ cho ông và chưa chỉ đạo ông chi số tiền đó. Theo quan điểm của ông do anh K thiếu trách nhiệm dẫn đến việc anh H không được thanh toán tiền thì anh K phải có trách nhiệm trả anh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đình Ng trình bày: Trong năm 2015 -2017 ông được giao theo dõi chấm công số giờ làm việc của anh H. Khi anh H làm xong ông tổng hợp số giờ làm và chốt với anh H, sau đó báo cáo anh K để anh K thanh toán cho anh H. Toàn bộ số liệu tổng hợp giờ làm của anh H ông đã bàn giao hết cho anh K. Ông xác định các công trình, số giờ anh H đã làm theo như Bảng tổng hợp mà anh H cung cấp là đúng, còn về tiền công của anh H ông không thỏa thuận nên không biết. Năm 2016 ông có tạm

ứng cho anh H 14.000.000 đồng (ngày tháng không nhớ), lý do tạm ứng là sau khi ông và anh K kiểm tra lại số tiền mà ông và anh K tạm ứng của ông Đ còn lại 14.000.000 đồng, anh K bảo ông tạm ứng cho anh H số tiền đó. Khi đưa tiền cho anh H, anh H có ký giấy biên nhận, còn việc thanh toán của anh H sau này như thế nào ông không rõ. Cuối năm 2017, khi lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 hết nhiệm kỳ, thực hiện bàn giao quỹ cho lãnh đạo thôn nhiệm kỳ mới 2017-2020 thì xác định không có khoản tiền nợ của anh H. Sau đó anh H có ý kiến vì chưa được thanh toán số tiền 25.725.000 đồng, UBND xã Q đã thành lập đoàn kiểm tra để kiểm tra công tác thu chi tài chính, theo đó đã xác định trách nhiệm của Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 trong đó anh K là trưởng thôn phải có trách nhiệm về số tiền 25.725.000 đồng với anh H. Về kết luận của đoàn kiểm tra và UBND xã Q ông không có ý kiến gì. Ông xác định ông không có trách nhiệm đối với số tiền anh H kiện đòi mà đó là trách nhiệm của anh K và ông Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khả Q1 trình bày: Ông là phó thôn được giao theo dõi mảng văn hóa của thôn, ông Ng được giao theo dõi mảng xây dựng. Trong năm 2015 -2017 anh K thay mặt thôn A thuê anh H là chủ xe máy xúc làm các công trình cho thôn, không thuộc mảng của ông phụ trách nên ông không rõ nội dung thỏa thuận và ký kết hợp đồng như thế nào. Ông Ng được giao theo dõi chấm công số giờ làm việc của máy xúc, còn toàn bộ việc thỏa thuận ký kết, thanh lý, quyết toán hợp đồng là do trưởng thôn anh K thực hiện. Theo quy định hàng năm thì thôn sẽ tổ chức họp sơ kết (6 tháng) và tổng kết (1 năm) để báo cáo công tác của thôn, phương hướng nhiệm vụ thời gian tới, trong đó có việc báo cáo kết quả thu, chi tài chính của thôn, các khoản chi thanh toán tiền hợp đồng với anh H trong báo cáo đều đã thể hiện, không có ai có ý kiến gì. Chỉ đến khi Ban lãnh đạo thôn hết nhiệm kỳ và bàn giao sang cho lãnh đạo khóa mới thì mới ý kiến về số tiền của anh H, anh H nói rằng chưa nhận được hết tiền theo hợp đồng, số tiền còn lại khoảng 25.725.000 đồng, UBND xã Q đã thành lập đoàn kiểm tra kiểm tra công tác thu chi tài chính của thôn A nhiệm kỳ 2015-2017, theo đó đã xác định Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017 trong đó anh K là trưởng thôn phải có trách nhiệm về số tiền này đối với anh H. Ông xác định ông không có trách nhiệm gì đối với số tiền anh H đang khởi kiện đó là trách nhiệm của anh K và ông Đ.

Đại diện UBND xã Q trình bày: Cuối năm 2017, UBND xã Q nhận được nhiều ý kiến phản ánh về công tác thu chi tài chính của Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017, trong đó anh H có ý kiến về việc chưa được thanh toán đủ số tiền công làm máy xúc cho thôn. UBND xã đã tiến hành thành lập đoàn kiểm tra. Ngày 07/10/2019 Đoàn kiểm tra của UBND xã Q đã có Thông báo số 09/TB-ĐKT kết luận kiểm tra công tác kiểm tra thu - chi tài chính của thôn A nhiệm kỳ 2015-2017, cùng ngày UBND xã Q đã ra Kết luận 01/KL-UBND về việc kiểm tra công tác kiểm tra thu - chi tài chính của thôn A nhiệm kỳ 2015-2017, trong đó có nội dung liên quan đến số tiền 25.725.000 đồng tiền công máy xúc của anh H. Theo đó xác định số tiền 25.725.000 đồng của anh H đã được

quyết toán trong báo cáo quỹ, nhưng theo trình bày của anh H, anh K, ông Đ, ông Ng, ông Q1 thì trên thực tế thì anh H chưa được nhận số tiền đó. UBND xã Q đã kết luận Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 trong đó ông K trưởng thôn phải có trách nhiệm giải quyết số tiền nói trên cho anh H.

Các hợp đồng và tài liệu quyết toán, thanh lý hợp đồng thuê anh H làm máy xúc cho thôn A năm 2015 -2017 UBND xã Q đã cung cấp toàn bộ cho Toà án, UBND xã không có ý kiến gì về các hợp đồng này, Lãnh đạo thôn A ký kết, thanh lý các hợp đồng đó là đúng trách nhiệm quyền hạn theo quy định. Việc bàn giao vật chất, tài sản giữa lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 và nhiệm kỳ 2017-2020 và các báo cáo thu chi tài chính thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 UBND xã đã cung cấp bản sao cho Toà án, UBND xã không có ý kiến gì về các tài liệu, báo cáo và việc bàn giao đó.

Quá trình thực hiện kiểm tra tài chính của thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 Đoàn kiểm tra đã yêu cầu ông Đ thủ quỹ thôn cung cấp sổ sách theo dõi của ông Đ, ông Đ đã cung cấp Sổ nhật ký chi - vay - tạm ứng từ ngày 07/10/2015, sổ thu phương án thôn mua mộ - thu khác ngày 07/10/2015, UBND xã đã phê duyệt và cung cấp cho Toà án. Đối với anh K không cung cấp tài liệu gì cho đoàn kiểm tra. Qua công tác kiểm tra phát hiện có một số sai sót và UBND đã có kết luận tuy nhiên có nhiều nội dung không liên quan đến vụ án do anh H khởi kiện tại Toà án nên UBND xã không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Đối với khoản tiền 25.725.000 đồng anh H khởi kiện tại Toà án, xác định hợp đồng đã thực hiện, thanh lý, quyết toán xong nên UBND xã Q và Ban lãnh đạo thôn A các nhiệm kỳ sau không có trách nhiệm gì đối với khoản tiền đó, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị không tham gia hoà giải và được vắng mặt tại phiên toà.

Ông Lê Khả Đ1 trình bày: Ông là Bí thư Chi bộ thôn A nhiệm kỳ 2015 - 2017 và là trưởng thôn nhiệm kỳ 2017 - 2020. Ban lãnh đạo thôn 2015-2017 tín nhiệm và cử ông Đ là thủ quỹ giúp quản lý quỹ của thôn. Ông là Bí thư chi bộ phụ trách công tác Đảng nên không rõ nội dung thu chi của thôn. Trong quá trình hoạt động anh K trưởng thôn có thực hiện báo cáo Chi bộ về các công việc của thôn, công tác thu chi tài chính, quỹ. Việc anh K ký kết hợp đồng thuê anh H làm máy xúc các công trình của thôn, việc thanh toán tiền cho anh H như thế nào ông không rõ, nhưng khi ban lãnh đạo thôn hết nhiệm kỳ 2015 - 2017, bàn giao cho ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2017 - 2020 ông là người nhận bàn giao, sổ quỹ ông nhận là 257.834.000 đồng, trong các khoản tiền còn phải trả của thôn khi bàn giao thì không có khoản của anh H. Sau khi ông nhận bàn giao được một vài tháng thì thấy có ý kiến của anh H về việc anh H chưa được thanh toán khoảng 25.000.000 đồng, UBND xã Q đã tiến hành thanh tra và xác định trong báo cáo chi của ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015 - 2017 đã có các khoản chi cho anh H, còn anh H, anh K, ông Đ đều xác định trên thực tế anh H chưa nhận được số tiền đó. Do số tiền đó không được bàn giao cho Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2017 - 2020 nên Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2017 -2020 không có trách nhiệm với số tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 16/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. Buộc anh K phải trả cho anh H, chị L số tiền 11.775.000 đồng. Buộc ông Đ phải trả cho anh H, chị L số tiền 13.950.000 đồng. Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/3/2021, ông Đ kháng cáo không đồng ý với nội dung buộc ông phải trả cho anh H, chị L số tiền 13.950.000 đồng.

Ngày 31/3/2021, anh K kháng cáo không đồng ý với nội dung buộc anh phải trả cho anh H, chị L số tiền 11.775.000 đồng.

Ngày 31/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm với các lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh K là bị đơn là không đúng. Do anh K đại diện thôn A ký hợp đồng thuê máy xúc với anh H nên trách nhiệm trả nợ thuộc về thôn A. Do thôn A thuộc xã Q quản lý nên cần phải xác định UBND xã Q là bị đơn.

- Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc thu thập tài liệu chứng cứ dẫn đến quyết định buộc anh K và ông Đ trả tiền cho anh H là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh K, ông Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông Trần Xuân T là Trưởng thôn A, xã Q hiện tại đồng ý đại diện thôn A tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết dứt điểm tranh chấp. Anh H xác định mục đích anh khởi kiện để đòi tiền công máy xúc chưa được thanh toán còn ai thanh toán anh cũng chấp nhận. Anh K, ông Đ và đại diện thôn A thống nhất khẳng định Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 do anh K làm Trưởng thôn đã bàn giao quỹ cho Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ tiếp theo, trong quyết toán, bàn giao không có khoản nợ máy xúc của anh H; trách nhiệm trả nợ anh H thuộc về Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017. Trong đó, anh K và ông Đ thống nhất ông các ông Ng, ông Q1 là hai Phó thôn nhiệm kỳ 2015-2017 không liên quan và không có nghĩa vụ trả nợ anh H khoản tiền này; anh K và ông Đ không thống nhất được ai sẽ có trách nhiệm trả anh H khoản tiền máy xúc còn nợ. Ông Đ thừa nhận ngày 19/12/2016 chỉ thực trả cho anh H 24.800.000 đồng. Tại Sổ chi do ông theo dõi ghi trả 38.750.000 đồng là do ông ghi nhầm trả cho anh T2 làm máy xúc ở cùng thôn. Anh K xác định, trong quá trình chi tiền, có nhiều khoản anh không gửi phiếu chi cho ông Đ mà thực tế có thể gọi điện để ông Đ chi tiền theo chỉ đạo của anh.

Kiểm sát viên giữ nguyên các nội dung kháng nghị, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách được thực hiện trong thời hạn quy định nên kháng cáo và kháng nghị hợp lệ.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của thôn A, xã Q

Theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu dân cư quy định: Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm vụ triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; được đại diện cho thôn, khu dân cư ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, tổ dân phố đầu tư đã được Hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua. Như vậy, khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đại diện cho thôn, tổ dân phố ký hợp đồng dân sự thì thôn, khu dân cư là chủ thể tham gia quan hệ dân sự. Trong vụ việc này, anh K ký các hợp đồng thuê máy xúc với anh H đều với tư cách là Trưởng thôn A nên bên thuê của hợp đồng là thôn A. Anh H khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền thuê máy xúc nên đây phải là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là kiện đòi tài sản là không đúng. Do anh H khởi kiện đòi tiền anh K nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh K là bị đơn trong vụ án là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng dịch vụ giữa thôn A và anh H, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thôn A vào tham gia tố tụng, đại diện thôn A đã trình bày ý kiến nhưng tại bản án sơ thẩm đã nhận định để không xác định thôn A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu. Tại cấp phúc thẩm, đại diện thôn A là Trưởng thôn Trần Xuân T đồng ý đề nghị Tòa án đưa thôn A vào tham gia tố tụng để giải quyết dứt điểm vụ án nên cấp phúc thẩm đưa thôn A do ông Trần Xuân T là đại diện tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Như đã phân tích tại mục [1.2] các Hợp đồng thuê máy xúc là hợp đồng giữa bên thuê là thôn A, xã Q và bên nhận thuê là anh H, chủ máy xúc. Hình thức, nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là các hợp đồng hợp pháp. Các bên thống nhất tổng số

tiền thôn A phải trả anh H là 94.725.000 đồng, đã thanh toán 69.000.000 đồng, còn lại 25.725.000 đồng. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách kháng nghị cho rằng nghĩa vụ trả nợ số tiền trên thuộc thôn A là có căn cứ. Do thôn A đã được UBND xã Q đồng ý cho tự thu, tự chi và việc thuê máy xúc chỉ phục vụ phúc lợi của thôn A, do nhân dân trong thôn đóng góp tiền đầu tư nên UBND xã Q không có trách nhiệm trả khoản tiền trên. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H xác định mục đích anh khởi kiện để đòi tiền công máy xúc chưa được thanh toán còn ai thanh toán cho anh anh cũng chấp nhận. Anh K, ông Đ và đại diện thôn A thống nhất khẳng định Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 do anh K làm trưởng thôn đã bàn giao quỹ cho Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ tiếp theo. Trong quyết toán, bàn giao không có khoản nợ máy xúc của anh H. Trách nhiệm trả nợ anh H thuộc về Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2015-2017. Trong đó, anh K và ông Đ thống nhất ông các ông Ng, ông Q1 là hai Phó thôn nhiệm kỳ 2015-2017 không liên quan và không có nghĩa vụ trả nợ anh H khoản tiền này. Anh K và ông Đ không thống nhất được ai sẽ có trách nhiệm trả anh H khoản tiền máy xúc còn nợ. Như vậy, giữa bên có quyền là anh H, bên có nghĩa vụ là thôn A và anh K, ông Đ đã thống nhất về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ anh H số tiền 25.725.000 đồng cho anh K và ông Đ. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự anh K và ông Đ trở thành người có nghĩa vụ trả nợ.

Trong tổng số tiền 69.000.000 đồng anh H đã được thanh toán, ngoài số tiền 14.000.000 đồng ông Ng đã tạm ứng, tại phiên tòa phúc thẩm anh H, anh K và ông Đ trình bày thống nhất có hai lần ông Đ trả tiền cho anh H, trong đó ngày 21/01/2017 ông Đ trả anh H 30.200.000 đồng, ngày 19/12/2016 ông Đ trả anh H tổng số tiền là 24.800.000 đồng. Tuy nhiên trong Sổ nhật ký chi - vay do ông Đ quản lý đã ghi trả anh H hai khoản gồm 35.900.000 đồng (ghi nội dung trả anh H máy xúc dọn máng cụ Đ2) và số tiền 2.850.000 đồng (ghi nội dung công ông S, ông K2), tổng là 38.750.000 đồng. Như vậy, số tiền ông Đ ghi chi cho anh H ngày 19/12/2016 chênh lên 13.950.000 đồng. Ông Đ và anh K xác định tổng quỹ ông Đ bàn giao cho Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ tiếp theo trùng khớp với Sổ nhật ký chi - vay do ông Đ quản lý. Thực tế việc chi tiền của Ban lãnh đạo thôn A nhiệm kỳ 2015-2017 có trường hợp không đúng quy định về trình tự, vì tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ và anh K đều xác định trong nhiệm kỳ 2015-2017 có nhiều khoản tiền ông Đ chi không có phiếu chi hoặc văn bản của anh K, thực tế có khoản anh K gọi điện báo chi thì ông Đ vẫn chi hoặc những khoản anh K tạm ứng quỹ thì ông Đ không cho anh K ký sổ. Ông Đ khai số tiền ghi chênh lên ngày 19/12/2016 do ông chi cho anh T2 máy xúc cùng thôn nhưng ghi gộp vào khoản chi cho anh H nhưng nếu có việc chi cho anh Tuấn 13.950.000 đồng thì đó là quan hệ khác. Do đó, có căn cứ xác định ông Đ vẫn quản lý số tiền 13.950.000 đồng chưa trả anh H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải trả vợ chồng anh H số tiền 13.950.000 đồng và buộc anh K phải trả vợ chồng anh H số

tiền còn lại là 11.775.000 đồng là phù hợp. Ông Đ và anh K kháng cáo không đồng ý trả tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ, giữ nguyên quyết định khác của bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Anh K phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do sửa bản án sơ thẩm nên anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách; không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân K và ông Mạc Văn Đ, sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 287, 513, 519, 370 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1 hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1.1. Công nhận sự thống nhất của anh Nguyễn Huy H, anh Lê Xuân K, ông Mạc Văn Đ, ông Vũ Đình Ng, ông Lê Khả Q1 và thôn A, xã Q, huyện N do ông Trần Xuân T làm đại diện về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ anh Nguyễn Huy H và chị Đoàn Thị Hiền L số tiền thuê máy xúc chưa trả là 25.725.000 đồng từ thôn A, xã Q, huyện N sang anh Lê Xuân K và ông Mạc Văn Đ.

1.2. Xử buộc anh Lê Xuân K phải trả cho anh Nguyễn Huy H, chị Đoàn Thị Hiền L số tiền 11.775.000 đồng. Buộc ông Mạc Văn Đ phải trả cho anh Nguyễn Huy H, chị Đoàn Thị Hiền L số tiền 13.950.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Mạc Văn Đ. Buộc anh Lê Xuân K phải chịu 589.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2018/0004268 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, anh K còn phải nộp tiếp

289.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Huy H 640.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002714 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu